

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS- ST

Ngày: 09/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Đào Quang Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 09/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST- DS, ngày 04 tháng 03 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST – DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1963

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1971

Bà Bùi Thị L, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Khu phố B L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Vắng mặt ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tháng 11 năm 2014 vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Hồ Văn C làm ăn kinh doanh vận tải hàng hóa có vay của vợ, chồng ông là Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H số tiền gốc là 801.000.000 đồng (T1 trăm linh một triệu đồng). Đến ngày 04/4/2019 ông với vợ, chồng ông C, bà L có tính toán và chốt công nợ tính cả tiền gốc và tiền lãi đến ngày 04/4/2019 thì số tiền nợ là 1.474.000.000 đồng. Sau rất nhiều lần hẹn trả nợ rồi lại khát nợ bà L và ông C vẫn không trả được nợ cho vợ, chồng ông. Đến ngày 04/8/2024 bà L và ông C lại tiếp tục viết giấy khát nợ với tổng số tiền chốt nợ tính cả gốc và lãi đến ngày 04/8/2024 là 1.709.840.000 đồng và hẹn trả vào ngày 30/9/2020. Tuy nhiên đến nay sau rất nhiều lần đòi nợ bà L và ông C vẫn cố tình không trả nợ cho vợ, chồng ông. Do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông C phải trả cho vợ, chồng ông tổng số tiền đã chốt nợ với nhau là 1.709.840.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hồ Văn C trình bày:

Khoảng năm 2012, gia đình anh và gia đình nhà anh T cùng chung vốn mua xe ô tô để kinh doanh vận tải hàng hóa (xe chở vật liệu xây dựng). Sau khi làm ăn một thời gian, kinh doanh thua lỗ thì anh phải trả toàn bộ số tiền lãi và tiền gốc Ngân hàng. Anh có nhận đứng ra để chịu tiền thua lỗ cũng như số tiền mà anh T góp vốn vào kinh doanh chung. Đến ngày 04/04/2019, lúc anh T đang trong bệnh viện đi mổ tim thì vợ anh T là chị Nguyễn Thị H có mang giấy vay tiền đến nhà anh bảo vợ, chồng anh ký vào cho anh chị yên tâm. Vợ, chồng anh chỉ ký vào mà không biết nội dung là gì. Anh xác nhận sẽ trả cho anh T số tiền mà anh góp vốn làm ăn chung (Anh không nhớ rõ số tiền chính xác, anh sẽ bổ sung giấy tờ sau) còn anh hoàn toàn không có vay tiền của anh T.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Bùi Thị L trình bày:

Khoảng năm 2012 vợ, chồng bà với ông T có góp vốn làm ăn chung mua xe ô tô để kinh doanh vận tải chở vật liệu xây dựng. Sau khi làm ăn một thời gian thì kinh doanh thua lỗ hai bên thống nhất bán xe để trả nợ, khi đó vợ, chồng ông T có nói với bà viết cho bà Hoa G vay tiền để xác nhận góp vốn làm ăn. Do không hiểu biết pháp luật nên bà đã viết giấy vay tiền vào ngày 01/5/2012. Đến ngày 04/4/2019 bà H vợ ông T vào nhà bà nói với vợ, chồng bà giờ cộng cả gốc và lãi vào và đọc cho tôi viết giấy vì bà H nói

là lúc đó ông T đang bị bệnh tim đang đi mổ mà gia đình ông T đang ép ông T trả tiền nên cứ viết giấy để có căn cứ nói với mọi người trong gia đình bà H. Lúc đó một phần vì nể, một phần không hiểu biết pháp luật cũng không nghĩ ông T lại kiện ra tòa nên bà đã viết giấy vay tiền cả tiền gốc và tiền lãi là 1.474.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 04/8/2020 bà hoa lại vào chốt tiền lãi lúc đó bà không viết nhưng bà H viết chốt nợ cả tiền gốc và tiền lãi là 1.709.840.000 đồng. Sau khi viết xong thì bà H có nói với vợ, chồng bà là ông T đang bị bệnh nặng nên ký đi không ông T ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng. Do lúc đó ông T đang bị bệnh nên vợ, chồng bà cũng ký vào giấy chốt nợ ngày 04/8/2020. Đến nay bà xác nhận vợ, chồng bà còn nợ ông T và bà H số tiền gốc là 801.000.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ, chồng bà phải trả cả tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 04/8/2020 số tiền là 1.709.840.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn và thực tế đây là tiền góp vốn làm ăn chung không may thua lỗ vợ, chồng bà phải chịu trách nhiệm. Nên bà đề nghị chỉ phải trả cho ông T và bà H số tiền gốc còn nợ là 801.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày.

Do có mối quan hệ nên giữa vợ, chồng bà với vợ, chồng ông C, bà L có làm ăn chung về vận tải với nhau. Quá trình làm ăn từ những năm 2012 vợ, chồng bà có góp tiền và xe ô tô của gia đình cho ông C, bà L. Sau đó không làm ăn chung nữa thì giữa hai bên đã tính toán lại và xác định ông C, bà L còn nợ vợ, chồng bà số tiền gốc là 801.000.000 đồng (T1 trăm linh một triệu đồng) và thỏa thuận sẽ trả lãi theo lãi suất ngân hàng. Đến ngày 04/4/2019 hai bên có tính toán và chốt công nợ tính cả tiền gốc và tiền lãi đến ngày 04/4/2019 thì ông C và bà L còn nợ vợ, chồng bà số tiền nợ là 1.474.000.000 đồng. Sau rất nhiều lần hẹn trả nợ rồi lại khát nợ bà L và ông C vẫn không trả được nợ cho vợ, chồng bà. Đến ngày 04/8/2020 bà L và ông C lại tiếp tục ký giấy khát nợ với tổng số tiền chốt nợ tính cả gốc và lãi đến ngày 04/8/2024 là 1.709.840.000 đồng và hẹn trả vào ngày 30/9/2020. Tuy nhiên đến nay sau rất nhiều lần đòi nợ bà L và ông C vẫn cố tình không trả nợ cho vợ, chồng bà. Do đó bà thống nhất với yêu cầu của chồng bà là Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông C phải trả cho vợ, chồng bà tổng số tiền đã chốt nợ với nhau là 1.709.840.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại phiên tòa Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và có ý kiến tranh luận đối với ý kiến của ông C và bà L đã trình bày tại bản tự khai được công bố tại phiên tòa như sau:

Việc ông C và bà L trình bày ông C, bà L không vay tiền của ông bà mà là do góp vốn làm ăn chung dẫn đến thua lỗ phải chịu trách nhiệm, việc viết giấy vay tiền là do nể nang và sợ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của ông C là không đúng và không có căn cứ. Trên thực tế đúng là có việc từ năm 2012 vợ, chồng ông T, bà H làm ăn chung với ông C và bà L, lúc đó ông T và bà H ngoài góp tiền cho ông C và bà L số tiền 300.000.000 đồng mua xe chở vật liệu, còn góp cả xe tải là tài sản của ông bà cho ông C và bà L để kinh doanh chở vật liệu. Tuy nhiên quá trình làm thì ông C cũng không trả lợi nhuận cho ông bà mà nói với ông bà để lấy vốn tiếp tục làm ăn, khi làm ăn không thuận lợi thì Ông C và bà L đứng ra bán các xe mà ông T, bà L góp vào nhưng cũng không đưa tiền đầy đủ. Từ đó sau khi tính toán, thống nhất với nhau thì mới chốt số nợ gốc mà ông C, bà L nợ và ông T, bà H thống nhất cho vay số tiền là 801.000.000 đồng. Ông C và bà L có thống nhất sẽ vay số tiền gốc trên và trả lãi cho ông bà trên số tiền gốc theo lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên sau khi vợ, chồng ông, bà thống nhất cho vay lại số tiền trên qua nhiều thời gian đã đòi nợ nhiều lần mà ông C, bà L cố tình không trả. Đến ngày 04/4/2019 ông, bà với vợ, chồng ông C, bà L có tính toán và chốt công nợ tính cả tiền gốc và tiền lãi đến ngày 04/4/2019 thì số tiền nợ là 1.474.000.000 đồng, chính tay bà L viết giấy và hai vợ, chồng cùng ký không hề có sự ép buộc. Sau rất nhiều lần hẹn trả nợ rồi lại khát nợ bà L và ông C vẫn không trả được nợ cho vợ, chồng ông, bà. Đến ngày 04/8/2024 hai bên lại tiếp tục tính toán và thống nhất thỏa thuận ông C và bà L ký giấy chốt nợ tính cả gốc và lãi đến ngày 04/8/2024 là 1.709.840.000 đồng và hẹn trả vào ngày 30/9/2020. Việc ký kết giấy vay tiền và giấy chốt nợ là hoàn toàn do hai bên thỏa thuận, thống nhất với nhau tự nguyện, không hề có sự ép buộc. Bà L trình bày ký giấy vay tiền và giấy chốt nợ là do nể nang, không hiểu biết pháp luật là không đúng và không có căn cứ. Nên ông T và bà H không đồng ý với ý kiến của ông C và bà L và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông T với ông C và bà L đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do ông C và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng ông C và bà L không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông C và bà L và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp họp lệ ông C và bà L đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, ông C và bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L.

[2]. Ông C và bà L thừa nhận có ký vào giấy vay tiền và chốt nợ và trình bày trước đó vào năm 2012 hai bên có góp vốn làm ăn chung sau đó thua lỗ vợ, chồng ông C, bà L phải chịu trách nhiệm. Do không hiểu biết pháp luật nên đã viết và ký vào giấy vay tiền chứ thực tế là góp vốn làm ăn chung không phải vay tiền. Ông T và bà H trình bày có việc làm ăn chung nhưng số tiền hai bên chốt nợ đó là số tiền ông bà góp vào và số tiền lợi nhuận mà sau khi không làm ăn chung nữa ông C, bà L không thanh toán cho vợ, chồng ông T. Sau khi chốt nợ thì do ông C và bà L không trả được tiền nên ông T và bà H thống nhất cho ông C và bà L vay do đó mới có việc viết giấy vay tiền và chốt nợ ở các thời điểm. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của ông T và bà H là có căn cứ chấp nhận. Việc bà Bùi Thị L và ông Hồ Văn C vay tiền của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, tính đến ngày 04/8/2020 hai bên chốt nợ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.709.840.000 đồng được thể hiện trong giấy vay tiền mà ông T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền nợ, ngày trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L. Tại giấy vay tiền bà L và ông C đã viết và ký đã thống nhất thỏa thuận về tổng số tiền nợ và cam kết trả nợ. Như vậy HĐXX xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau, thời hạn trả nợ của khoản nợ là ngày 30/9/2020. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết ông C và bà L chưa trả được cho ông T và bà H đồng tiền nào, Ông T khởi kiện yêu cầu bà L và ông C phải trả số tiền như giấy hai bên đã chốt nợ ngày 04/8/2020 số tiền 1.709.840.000 đồng. Do đó yêu cầu của ông T và bà H là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả số tiền nợ của ông T và bà H. Buộc

ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 1.709.840.000 đồng

[4]. Về yêu cầu tính lãi suất: Ông T và bà H không yêu cầu tính lãi suất từ ngày viết giấy chốt nợ đến nay nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 1.709.840.000 đ (Một tỷ bảy trăm linh chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ khi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà Bùi Thị L và ông Hồ Văn C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Hồ Văn C và bà Bùi Thị L phải chịu 63.295.200 đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông T và bà H vắng mặt ông C và bà L. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

